TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CL** **TỈNH BT**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 11/03/2020
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CL, TỈNH BT

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Gia Ảnh.

2. Ông Hà Công Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Nhanh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện CL, tỉnh BT.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CL, tỉnh BT *tham gia phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Lệ Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 03 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện CL, tỉnh BT xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 435/2019/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2019 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Yến N** - Sinh năm: 1990. Nơi đăng ký thường trú: ấp TY, xã TTg, huyện CL, tỉnh BT. Nơi ở hiện tại: ấp VH 2, xã VT, huyện CL, tỉnh BT. Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Ông **Hồ Văn T** - Sinh năm: 1988; địa chỉ: ấp TY, xã TTg, huyện CL, tỉnh BT. Có đơn giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Yến N trình bày:

Năm 2010, bà N với ông Hồ Văn T tự nguyện tìm hiểu, tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã VT ngày 21/6/2010. Sau khi kết hôn chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông T đi chơi với bạn bè, nhậu nhẹt say sưa khi về đến nhà thì kiếm chuyện

ghen tuông vô cớ, không tin tưởng và tôn trọng lẫn nhau. Bà đi mua bán kiểng lá để tăng thu nhập cho gia đình nhưng ông T kiếm chuyện và nghi ngờ bà có quan hệ với người khác, gia đình bên chồng cũng xúc phạm đến uy tín, danh dự của bà. Bà có giải thích với ông T nhưng ông không nghe mà còn hành hung đánh đập. Nhiều lần bà khuyên ông T hạn chế rượu chè bê tha để vợ chồng cùng chăm lo cho con tạo dựng cuộc sống hạnh phúc cho gia đình nhưng ông T không khắc phục.

Bà N nhận thấy không còn hạnh phúc nữa, tình cảm vợ chồng không thể kéo dài, đời sống hôn nhân ngày càng mâu thuẫn trầm trọng nên bà đã về nhà ba mẹ ruột sinh sống từ ngày 28/9/2019 cho đến nay. Từ đó đến nay, bà và ông T không có trao đổi gì nhằm hàn gắn quan hệ vợ chồng. Vì vậy, bà N yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T, không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn.

Về con chung: Bà và ông T có một người con chung là: Hồ Việt A, sinh ngày 05/5/2011 hiện đang sống cùng ông T. Sau khi ly hôn, bà đồng ý giao cho ông T được quyền trực tiếp nuôi con. Bà đồng ý cấp dưỡng nuôi con hàng tháng với mức cấp dưỡng là 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi người con tròn 18 tuổi.

Về tài sản và nợ chung: Bà N khai không có, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Tại bản tự khai bị đơn là ông Hồ Văn T trình bày: ông không đồng ý ly hôn với bà N vì ông là người công giáo.

Về con chung: ông yêu cầu nuôi con là Hồ Việt A, sinh ngày 05/5/2011, cháu A đang sống cùng ông T. Ông không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bận công việc làm ăn không có thời gian đến Tòa, không sắp xếp được thời gian đến Tòa để giải quyết vụ án. Vì vậy, đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt ông cho đến khi kết thúc vụ kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CL phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng, Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định tại Điều 203 Bộ Luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: qua lời trình bày của bà N và tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án, cho thấy cuộc sống hôn nhân của bà N với ông T đã có sự mâu thuẫn trầm trọng, nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, điều 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, Hội đồng xét xử xét thấy, do mâu thuẫn gia đình, bà Nguyễn Thị Yến N có đơn yêu cầu tranh chấp ly hôn, nuôi con và cấp dưỡng nuôi con với ông Hồ Văn T nên đây là vụ kiện: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con" là loại việc được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn là ông Hồ Văn T có nơi cư trú tại ấp TY, xã TTg, huyện CL, tỉnh BT nên Tòa án nhân dân huyện CL thụ lý vụ án giải quyết là đúng thẩm quyền.

Ông T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông T là phù hợp.

[2] Xét thấy, bà N và ông T có đủ điều kiện kết hôn, qua tìm hiểu mà tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND xã VT, huyện CL, tỉnh BT vào ngày 21/6/2010 nên được xem là hôn nhân hợp pháp.

[3] Xét quan hệ hôn nhân của bà N và ông T đã phát sinh mâu thuẫn từ năm 2016, từ 28/9/2019 ông bà đã sống ly thân cho đến nay. Ông T không đồng ý ly hôn nhưng không có động thái nào nhằm hằn gắn quan hệ vợ chồng, lý do ông đưa ra để không đồng ý ly hôn là vì ông là người công giáo không thể ly hôn mà không xuất phát từ việc còn yêu thương vợ con muốn hàn gắn để cùng chăm lo cho con, cho hạnh phúc gia đình. Tòa án đã tiến hành hòa giải, động viên, tạo điều kiện cho các bên hàn gắn quan hệ hôn nhân nhưng vẫn không có kết quả. Cho đến tại phiên tòa, bà N vẫn kiên quyết giữ nguyên yêu cầu ly hôn, bà xác định bà không còn tình cảm vợ chồng với ông T, không thể tiếp tục chung sống với ông T, bản thân ông T yêu cầu giải quyết vắng mặt không đến Tòa án để có cơ hội gặp gở trao đổi nhằm đoàn tụ với bà N. Qua xác minh tại địa phương cũng cho thấy bà N có mâu thuẫn với gia đình bên chồng nên đã dọn về nhà cha mẹ ruột sống từ cuối năm 2019 cho đến nay.

Chính vì vậy, trên cơ sở lời khai của các đương sự cùng tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có căn cứ xác định trong quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông T đã không đạt được mục đích hôn nhân, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mâu thuẫn đến mức trầm trọng không thể hàn gắn. Do đó, yêu cầu ly hôn của bà N là có cơ sở để chấp nhận.

Bà N và ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về con chung: bà N đồng ý để ông T trực tiếp nuôi người con chung của ông bà là cháu Hồ Việt A, sinh ngày 05/5/2011 (hiện đang sống cùng ông T). Bà N tự nguyện cấp dưỡng nuôi con hàng tháng với mức cấp dưỡng là 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi người con tròn 18 tuổi. Xét thấy, tại bản tự khai ngày 08/01/2020 thì ông T cũng thể hiện ý chí muốn được nuôi con. Mặc khác, tại biên bản hỏi ý kiến con từ 07 tuổi trở lên thì nguyện vọng của cháu A muốn sống với ông T. Đồng thời, theo biên bản xác minh ngày 17/01/2020 cho thấy hiện tại cháu

A vẫn được ông T nuôi dưỡng, chăm sóc, chu đáo và lo cho cháu được học hành như bao trẻ khác. Từ đó, cho thấy yêu cầu về người trực tiếp nuôi con và việc tự nguyện cấp dưỡng nuôi con của bà N là có căn cứ phù hợp với qui định của pháp luật nên chấp nhận.

Về tài sản chung, nợ chung: bà N, ông T không yêu cầu giải quyết gì về tài sản chung, thống nhất khai không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Từ các căn cứ trên xét thấy đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp với qui định của pháp luật nên chấp nhận.

Về án phí*:* bà N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; các điều 147, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị Yến N được ly hôn với ông Hồ Văn T. Bà N, ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

- Về con chung và việc cấp dưỡng nuôi con: Giao cho ông Hồ Văn T được quyền trực tiếp nuôi người con chung giữa ông với bà N là cháu Hồ Việt A, sinh ngày 05/5/2011 (hiện cháu A đang sống với ông T). Ghi nhận việc bà N tự nguyện cấp dưỡng nuôi con hàng tháng là 1.000.000 đồng/tháng, thời hạn cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu A tròn 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đến thăm nom con mà không ai được cản trở họ thực hiện quyền này. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án quyết định hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con chung, bà N và ông T có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức và phương thức cấp dưỡng nuôi con. Trong trường hợp có căn cứ người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con, trên cơ sở lợi ích của con thì người thân thích, Cơ quan quản lý nhà nước về gia đình và trẻ em, Hội liên hiệp phụ nữ có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: bà N, ông T không yêu cầu giải quyết.

- Nợ chung: bà N, ông T đều khai không có nợ chung.

- Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị Yến N phải nộp 300.000đ tiền án phí hôn nhân sơ thẩm và 300.000đ tiền án phí cấp dưỡng nuôi con. Số tiền bà N nộp tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án theo biên lai số 0006983 ngày 24 tháng 12 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện CL, tỉnh BT được chuyển sang án phí. Như vậy, bà N còn phải tiếp tục nộp 300.000đ tiền án phí sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Bà N có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Ông T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

- Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện CL;
- Chi cục T.H.A.D.S huyện CL;
- Phòng KTNV - THA TAND tỉnh BT;
- UBND xã VT;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Vp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

LÊ THỊ THÚY HẰNG

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Chợ Lách;
- Chi cục T.H.A.D.S huyện Chợ Lách;
- Phòng KTNV - THA TAND tỉnh Bến Tre;
- UBND xã Sơn Định;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Vp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Văn Phận

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**